

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHU VỰC 8

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH QUẢNG TRỊ

Bản án số: 09/2025/DSST.

Ngày: 11/9/2025.

“*Cty Sawad - Trinh*”

T/c HĐ vay TS”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Việt Hà và ông Nguyễn Bá Lưu

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Hồng Quang - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 8, Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên - KSV

Ngày 14/8, ngày 8/9 và ngày 11/9/2025, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 về: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXX-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S có ngay.

Địa chỉ: Số A N, phường T, tỉnh Nghệ An (Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An cũ).

Người đại diện cho Công ty Cổ phần S tiền có ngay: Bà Nguyễn Thị Thanh N, chức vụ: Quản lý Phân khu thuộc khối Vận hành – Khu vực Central 2-Group 3 của Công ty Cổ phần S có ngay.

Địa chỉ: Số H Quốc lộ I, Phường N, tỉnh Quảng Trị là người đại diện theo uỷ quyền (theo Giấy uỷ quyền số: 442/2023/UQ-SVN ngày 05/5/2024 của Giám đốc Công ty), có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1989;

Trú tại: Thôn D, xã V, tỉnh Quảng Trị (Thôn D, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị cũ), vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hà T1, sinh năm: 1987

Địa chỉ; Thôn Đ, xã V, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 03/12/2024 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Theo giấy Đăng ký kinh doanh chúng tôi đã đăng ký thì Công Ty Cổ Phần S Có Ngay hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực Cầm cố tài sản và cho vay tài sản.

Vào ngày 11/12/2023, bà Nguyễn Thị Tuyết T có đến chi nhánh Đông Hà 1 của Công ty tại địa chỉ: Số H Q, Phường N, tỉnh Quảng Trị (Số H Q, Phường E, TP.Đ, Tỉnh Quảng Trị cũ) thông qua Hợp đồng cầm cố để vay tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số: VHC231201002NA17X ký giữa các bên ngày 11/12/2023 số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap: 1520287072 theoweb : <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>Thì bà Nguyễn Thị Tuyết T có ký hợp đồng cầm cố tài sản là:

+ 01 xe ô tô con biển kiểm soát: 74A-120.22

+ Loại xe: CHEVROLET CRUZE ; màu: Trắng

+ Số khung: RLLJF696EHH947569 số máy: F16D3171490423 ;

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký xe số 023441 Do Công an tỉnh Q cấp ngày 06/07/2020 .

Để vay số tiền là 190.950.000 (Một trăm chín mươi triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng; thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 11/12/2023 - 11/12/2024) với mức lãi suất là 1,1%/tháng. Theo Hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho bà Nguyễn Thị Tuyết T.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho bà Nguyễn Thị Tuyết T mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 11/12/2023 đến 11/01/2024 địa điểm trả xe là tại chi nhánh Đ1 01. Bà Nguyễn Thị Tuyết T có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình trả nợ, bà Nguyễn Thị Tuyết T chưa thanh toán đúng nghĩa vụ trả tiền vay theo hợp đồng cho Công ty chúng tôi, đến nay đã quá hạn hợp đồng hiện tại trễ 267 ngày, bà Nguyễn Thị Tuyết T không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe ô tô cho Công ty chúng tôi. Theo nội dung hợp đồng thì bà Nguyễn Thị Hà T1 cam kết bảo lãnh cho khoản vay trên của bà Nguyễn Thị Tuyết T.

Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà bà Nguyễn Thị Tuyết T tại địa chỉ: Thôn D, Xã V, tỉnh Quảng Trị (Thôn D, xã V, huyện V, Tỉnh Quảng Trị cũ) nhưng đều không gặp. Chúng tôi đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để bà Nguyễn Thị Tuyết T trả lại tiền

hoặc tài sản là xe ô tô đã cầm cố cho Công ty chúng tôi, nhưng bà Nguyễn Thị Tuyết T không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của Công ty chúng tôi.

Vì vậy, Công ty Cổ phần S có ngay khởi kiện yêu cầu Toà án xử buộc bà Nguyễn Thị Tuyết T phải thanh toán số tiền vay khi cầm cố tài sản là 302,906,000đ. Trong đó gốc: 190,950,000đ, lãi 20,902,418đ, phí quản lý hồ sơ 9,547,500đ, phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 76,380,000đ (5%/tháng x 8 kỳ), lãi quá hạn: 5,125,600đ.

Trường hợp bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công Ty Cổ Phần S Có Ngay có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là chiếc xe ô tô con biển số: 74A-120.22, Loại xe: CHEVROLET CRUZE, Số khung: RLLJF696EHH947569, Số máy: F16D3171490423, theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh Đ1 01 - Công Ty Cổ Phần S Có Ngay số VHC231201002NA17X ngày 11/12/2023.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết T có nghĩa vụ trả lại xe đã mượn của công ty để đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ.

Ngoài ra bà Nguyễn Thị Tuyết T còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Tuyết T không trả, hoặc trả không đầy đủ khoản vay thì yêu cầu bà Nguyễn Thị Hà T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà T.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn xin bổ sung thêm lãi đến ngày 11/9/2025 số tiền cụ thể: Lãi trong hạn: 20,902,418 đồng (1.1%/ tháng), lãi quá hạn 57,027,217 đồng (1.65%) và tiền lãi phát sinh tiếp theo sau ngày 11/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

- Rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phí quản lý hồ sơ 9,547,500 đ (0.5%/ tháng);
- Rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe : 76,380,000 đ (5 % /tháng);
- Rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Nguyễn Thị Tuyết T có nghĩa vụ trả lại xe đã mượn cho công ty để đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật hợp lệ, nhưng bà không hợp tác, thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không nhận các văn bản mà Tòa án cấp tổng đạt, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà T không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai tại Tòa án và không tiến hành hòa giải được.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Hà T1: Tại bản trình bày ý kiến ngày 06/8/2025 bà thừa nhận ngày 11/12/2023, bà Nguyễn Thị Tuyết T có ký với Công ty Cổ phần S có ngay Hợp đồng cầm cố ô tô con BKS74A-120.22 để vay số tiền 190,950,000đ. Bà có ký vào hợp đồng cầm cố trên với tư cách là người bảo lãnh cho bà T. Nhưng bà nghĩ chỉ là ký vào hợp đồng cầm cố với tư cách là người làm chứng. Nay bà mới biết mình là người bảo lãnh cho bà T. Bà cho rằng mình không được hưởng lợi gì, nên đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật. Bà T1 cũng

đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng cũng không có mặt tại phiên toà.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp Hợp đồng cầm cố tài sản*”, nhưng sau khi kết thúc phần thẩm vấn công khai tại phiên toà, VKS đề nghị HĐXX xác định lại quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”; Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng, giải quyết, xét xử vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định; Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 86 BLTTDS; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 và 73 BLTTDS.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS ngày 25/6/2025 của Quốc hội; các Điều 314; 463, 466, 468, 470 của BLDS; điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định số: 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S có ngay - đối với bà Nguyễn Thị Tuyết T về: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

- Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết T phải trả cho Công ty Cổ phần S có ngay số tiền vay tính đến hết ngày 11/9/2025 là: 268,879,635 (Hai trăm sáu mươi tám triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm ba lăm) đồng bao gồm: Gốc 190,950,000 đồng, lãi 20,902,418 đồng, Lãi quá hạn 57,027,217 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo sau ngày 11/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Công Ty Cổ Phần S Có Ngay có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là chiếc xe ô tô con biển số : 74A-120.22, Loại xe: CHEVROLET CRUZE, Số khung: RLLJF696EHH947569, Số máy: F16D3171490423, theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh Đ1 01 - Công Ty Cổ Phần S Có Ngay số VHC231201002NA17X ngày 11/12/2023 để thu hồi nợ. Sau khi xử lý tài sản thế chấp nếu không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà T tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán phần nợ còn thiếu cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp bà T không thực hiện trả nợ, thực hiện trả không đủ hoặc không có khả năng trả nợ thì buộc bà Nguyễn Thị Hà T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà T theo Mục 2 phụ lục Hợp đồng cầm cố ngày 11/12/2023 mà các bên đã ký.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đối với khoản tiền phí quản lý hồ sơ 9,547,500 đồng (0.5%/ tháng); Đối với khoản tiền phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe: 76,380,000 đồng (5 % /tháng); đối với việc buộc bà Nguyễn Thị Tuyết T có nghĩa vụ trả lại xe đã mượn cho công ty để đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2024, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bà T dùng tài sản là xe ô tô 4 chỗ thuộc sở hữu của mình cầm cố để vay của Công ty cổ phần S tiền có ngay số tiền 190,950.000 đồng và thỏa thuận lãi suất vay 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại Thông báo thụ lý vụ án số: 25/2025/TB-TLVA ngày 01/04/2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-DS ngày 30/7/2025, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp Hợp đồng cầm cố tài sản*”. Nhưng tại phiên tòa, xét đề nghị của vị đại diện VKS đề nghị HĐXX xác định lại quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”. HĐXX xét thấy, xét tính hợp pháp của Hợp đồng cầm cố (Thực chất là Hợp đồng vay tài sản có tài sản cầm cố) ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn, HĐXX thấy rằng: Chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng phù hợp giao dịch vay tài sản, nên HĐXX xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại Thôn D, xã V, tỉnh Quảng Trị (Thôn D, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị cũ) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS ngày 25/6/2025 của Quốc hội, Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị (Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh cũ) thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về áp dụng pháp luật: Hợp vay tài sản được hai bên giao kết và thực hiện từ sau ngày 01/01/2017, nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và các điều luật của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết T và bà Nguyễn Thị Hà T1 là người có nghĩa vụ liên quan. Nhưng tại phiên tòa, cả bà T và bà T1 vẫn cố tình lẩn tránh, vắng mặt lần thứ hai mà không do trở ngại khách quan hoặc vì sự kiện bất khả kháng, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và bà T1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung: Vào ngày 11/12/2023 thông qua Hợp đồng cầm cố tài sản VHC231201002NA17X Chi nhánh Đ1, Quảng Trị - Công ty Cổ phần S có ngay giải ngân cho bà Nguyễn Thị Tuyết T vay số tiền 190.950.000 (Một trăm chín mươi triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng. Chi nhánh Đ1 01, Quảng Trị - Công ty Cổ phần S có ngay nhận bảo đảm khoản tiền vay trên thông qua hợp đồng cầm cố HC231201002NA17X với tài sản cầm cố là 01 xe ô tô bốn bánh BKS 74A-120.22, Loại xe: CHEVROLET CRUZE; màu: Trắng Số khung: RLLJF696EHH947569 số máy: F16D3171490423; Do Công an tỉnh Q cấp ngày 06/07/2020 mang tên bà Nguyễn Thị Tuyết T.

Theo nội dung của Hợp đồng cầm cố số VHC231201002NA17X, thì hai bên thỏa thuận thời hạn vay tiền là 12 tháng (11/12/2023-11/2024); lãi suất vay 1,1%/tháng; lãi quá hạn bằng

150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; phí quản lý hồ sơ 0,5% tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn 5%. Do đó, số tiền mà bà T phải trả cho nguyên đơn như sau:

- *Đối với số tiền gốc:* Sau khi cầm cố tài sản, bà T đã nhận số tiền vay là 190,950,000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T chưa thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền gốc nào. Tính đến ngày 14/8/2025, bà T còn nợ nguyên đơn 190,950,000 đồng tiền gốc. Do bà T đã vi phạm các điều khoản ký trong hợp đồng cầm cố tài sản số VHC231201002NA17X ngày 11/12/2023 là không trả nợ vay đúng hạn. Vì vậy, cần buộc bà T phải trả cho nguyên đơn - Công ty Cổ phần S có ngay số tiền vay gốc là 190,950,000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Đối với số tiền lãi:* Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T không thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn tiền gốc và lãi phát sinh. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là Hợp đồng vay tài sản theo quy định của BLDS, các bên có thỏa thuận về lãi suất phù hợp với quy định trong Bộ luật Dân sự, nên cần chấp nhận tính lãi suất từ khi bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 12/3/2024. Bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố số VHC231201002NA17X ngày 11/12/2023 mà bà T đã ký với nguyên đơn, nên bà T phải chịu lãi trong hạn, lãi quá hạn kể từ ngày 12/3/2024 đến ngày 03/12/2024 là: lãi trong hạn 20,902,418 đồng, lãi quá hạn: 5,125,600 đồng, phí quản lý hồ sơ 9,547,500 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe 76,380,000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bổ sung về lãi như sau: Yêu cầu tính lãi từ 12/3/2024 đến ngày 11/9/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) như sau: Lãi 20,902,418 đồng, L quá hạn: 57,027,217 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo sau ngày 11/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: Đối với khoản tiền phí quản lý hồ sơ 9,547,500 đồng (0.5%/ tháng); Đối với khoản tiền phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe: 76,380,000 đồng (5 % /tháng); đối với việc buộc bà Nguyễn Thị Tuyết T có nghĩa vụ trả lại xe đã mượn cho công ty để đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ. Căn cứ Điều 244 BLTTDS đình chỉ đối với một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Như vậy, tính đến hết ngày 11/9/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) bà T còn có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc, lãi là: 268,879,635 (hai trăm sáu mươi tám triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn sáu trăm ba mươi lăm) đồng, trong đó: Gốc 190,950,000 đồng, Lãi 20,902,418 đồng (1.1%/ tháng), Lãi quá hạn 57,027,217 đồng (1.65%) và tiền lãi phát sinh tiếp theo sau ngày 11/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Sau khi bà Nguyễn Thị Tuyết T thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả số tiền vay phải thi hành án cho Công ty Cổ phần S có ngay thì Công ty Cổ phần S Có Ngay phải có nghĩa vụ xóa đăng ký giao dịch bảo đảm (*cầm cố*) đối với xe ô tô mô tô bốn bánh BKS 74A-120.22, Loại xe: CHEVROLET CRUZE; màu: Trắng Số khung: RLLJF696EHH947569 số máy: F16D3171490423; Do Công an tỉnh Q cấp ngày 06/07/2020 mang tên bà Nguyễn Thị Tuyết T.

[4] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Hà T1: Bà T1 là người bảo lãnh trong Hợp đồng cầm cố giữa bà Nguyễn Thị Tuyết T với Công ty Cổ phần S có ngay để bà T vay số tiền 190,950,000 đồng. Tại Điều 2 Phụ lục Hợp đồng cầm cố đã cam kết trách nhiệm của bên bảo lãnh: “ ...*thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho khách hàng các khoản nợ đến hạn nếu khách hàng không có khả năng thanh toán hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán quá 30*

ngày đến hạn theo hợp đồng này”. Nay, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên sau khi xử lý tài sản bảo đảm là xe ô tô bốn bánh BKS 74A-120.22, Loại xe: CHEVROLET CRUZE; màu: Trắng Số khung: RLLJF696EHH947569 số máy: F16D3171490423, do Công an tỉnh Q cấp ngày 06/07/2020 mang tên bà Nguyễn Thị Tuyết T mà không đủ để trả nợ và bà T không có khả năng thanh toán hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán thì cần buộc bà Nguyễn Thị Hà T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ còn lại cho nguyên đơn.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS ngày 25/6/2025 của Quốc hội; các Điều các Điều 314; 463, 466, 468, 470 của BLDS; điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định số: 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022

của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Cổ phần S có ngay đối với bà Nguyễn Thị Tuyết T về việc: *“Tranh chấp hợp vay tài sản”*.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S có ngay số tiền vay gốc và lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/9/2025) là: 268,879,635 (Hai trăm sáu mươi tám triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm ba lăm) đồng bao gồm: Gốc 190,950,000 đồng, lãi 20,902,418 đồng, Lãi quá hạn 57,027,217 đồng.

Sau khi bà Nguyễn Thị Tuyết T thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả số tiền vay phải thi hành án cho Công ty Cổ phần S có ngay thì Công ty Cổ phần S Có Ngay phải có nghĩa vụ xóa đăng ký giao dịch bảo đảm (*cầm cố*) đối với xe ô tô bốn bánh BKS 74A-120.22, Loại xe: CHEVROLET CRUZE; màu: Trắng Số khung: RLLJF696EHH947569 số máy: F16D3171490423; Do Công an tỉnh Q cấp ngày 06/07/2020 mang tên bà Nguyễn Thị Tuyết T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (11/9/2025), bà Nguyễn Thị Tuyết T còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố tài sản số VHC231201002NA17X ngày 11/12/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đối với khoản tiền phí quản lý hồ sơ 9,547,500 đồng (0.5%/ tháng); Đối với khoản tiền phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe: 76,380,000 đồng (5 % /tháng); đối với việc buộc bà Nguyễn Thị Tuyết T có nghĩa vụ trả lại xe đã mượn cho công ty để đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ.

- Trường hợp bà Nguyễn Thị Tuyết T không trả hiện hoặc trả không đầy đủ thì khoản nợ thì Công Ty Cổ Phần S Có Ngay có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là chiếc xe ô tô con biển số: 74A-120.22, Loại xe: CHEVROLET CRUZE, Số khung: RLLJF696EHH947569 ,Số máy: F16D3171490423, theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh Đ1 01 - Công Ty Cổ Phần S Có Ngay số VHC231201002NA17X ngày 11/12/2023 để thu hồi nợ.

- Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Tuyết T không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ vay và sau khi đã xử lý tài sản thế chấp và bà T không có khả năng trả nợ cho nguyên đơn thì buộc người bảo lãnh là bà Nguyễn Thị Hà T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ phần còn thiếu cho nguyên đơn.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu 13,443,982 (mười ba triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn chín trăm tám mươi hai) đồng án phí DSST.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S có ngay số tiền tạm ứng án phí 7,572,650 (bảy triệu năm trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000040 ngày 01/4/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị (Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị cũ).

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/9/2025); bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND Khu vực 8;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- TAND T.Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Hoan

